

BÁO BÀI TUẦN 5

GLOBAL ENGLISH 1	MATHS 1	SCIENCE 1	SMART START 1
Unit 1: Welcome to School Learners Book: P18-19 <u>Vocabulary Review</u> Classroom Objects Chair / Chairs (Ghế) Ruler / Rulers (Thước Kẻ) Backpack (Ba Lô) Clock (Đồng Hồ) Pen / Pens (Bút) Pencil / Pencils (Bút Chì) Crayon / Crayons (Bút Sáp Màu) Table (Bàn) <u>Grammar Review</u> What is it? (Đây là cái gì?) It's a _____. (Nó là một.....) What are they? (Chúng/Đây là những cái gì?) They are _____. (Chúng/Đây là những.....)	Review 2.1 Geometry (3d shapes) LB: 38-41 WB: 30-36 Vocabulary: cube: hình hộp vuông cylinder: hình trụ sphere: hình cầu edge: cạnh face: mặt phẳng surface: mặt cong Sentence: It's a _____. It has _____ face(s).	Quiz and Unit 2.1 Sound sources LB: page 20-23 WB: 15-17 Vocabulary: sound: âm thanh sound source: nguồn âm thanh hear/ listen: nghe voice: giọng nói noise: tiếng ồn result: kết quả electricity: điện	Vocabulary: brother sister Structure: This is my brother. Nice to meet you. Nice to meet you, too.